

Số: 26/TB-VP

Hải Dương, ngày 09 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách Quý II năm 2026 của đơn vị dự toán Văn phòng HĐND & UBND phường Hải Dương

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025; Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 23/12/2026 của UBND phường Hải Dương về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2026;

Văn phòng HĐND & UBND phường Hải Dương thông báo thực hiện công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách Quý II năm 2026 (Có mẫu biểu phụ lục đính kèm), cụ thể:

+ **Hình thức công khai:** Niêm yết tại trụ sở làm việc UBND phường, trang tin điện tử, hệ thống loa truyền thanh phường...

+ **Thời gian công khai:** Từ ngày 09/7/2026 đến ngày 07/08/2026.

Vậy Văn phòng HĐND & UBND phường Hải Dương thông báo để các tổ chức, cá nhân có liên quan được biết./.

Nơi nhận:

- TT Đảng uỷ, HĐND, UBND phường;
- Lưu: VP.

CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Đình Hồng

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026 (Chi tiết)							
					Đơn vị tính: 1000 đồng		
TT	NỘI DUNG CHI	Trong đó					
		Số người, số thôn	Hệ số	Định mức	Kế hoạch chi	Trong đó	
						Lương, phụ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ	Chi hoạt động
1	2	3	4	5	6 = 7 + 8	7	8
	TỔNG CỘNG				965.500	360.900	604.600
1	- Kinh phí hoạt động của Ban CTMT Tổ dân phố				177.000		177.000
	+ Tổ dân phố có dân số dưới 500 hộ (TDP số 1,5,6,9,10,11,12,13,15,17,18,19,20,21,22,23,24, 25,26,27,28,29,30,31,32,33,34,35,36,37)	30		4500	135.000		135.000
	+Tổ dân phố có dân số trên 500 hộ (TDP 2,3,4,7,8,14,16)	7		6000	42.000		42.000
	- Kinh phí Chi thực hiện "Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"				187.000	-	187.000
	Thôn, KDC có dưới 700 hộ dân và trên 1000 người	35		5000	175.000		175.000
	Thôn, KDC từ 700 đến dưới 900 hộ dân và trên 1000 người	2		6000	12.000		12.000
2	Đoàn thanh niên cộng sản HCM				177.000	106.200	70.800
	- Phụ cấp bí thư chi đoàn TDP				106.200	106.200	
	+ Tổ dân phố có dân số dưới 500 hộ (TDP số 1,5,6,9,10,11,12,13,15,17,18,19,20,21,22,23,24, 25,26,27,28,29,30,31,32,33,34,35,36,37)	30		225	81.000	81.000	
	+Tổ dân phố có dân số trên 500 hộ (TDP 2,3,4,7,8,14,16)	7		300	25.200	25.200	
	- Chi Hoạt động Chi Đoàn TDP	37			70.800		70.800
	+ Tổ dân phố có dân số dưới 500 hộ (TDP số 1,5,6,9,10,11,12,13,15,17,18,19,20,21,22,23,24, 25,26,27,28,29,30,31,32,33,34,35,36,37)	30		1800	54.000		54.000
	+Tổ dân phố có dân số trên 500 hộ (TDP 2,3,4,7,8,14,16)	7		2400	16.800		16.800
3	Hội liên hiệp phụ nữ				177.000	106.200	70.800
	- Phụ cấp Chi hội trưởng				106.200	106.200	
	+ Tổ dân phố có dân số dưới 500 hộ (TDP số 1,5,6,9,10,11,12,13,15,17,18,19,20,21,22,23,24, 25,26,27,28,29,30,31,32,33,34,35,36,37)	30		225	81.000	81.000	
	+Tổ dân phố có dân số trên 500 hộ (TDP 2,3,4,7,8,14,16)	7		300	25.200	25.200	

	- Chi Hoạt động Chi hội TDP	37			70.800		70.800
	+ Tổ dân phố có dân số dưới 500 hộ (TDP số 1,5,6,9,10,11,12,13,15,17,18,19,20,21,22,23,24, 25,26,27,28,29,30,31,32,33,34,35,36,37)	30		1800	54.000		54.000
	+Tổ dân phố có dân số trên 500 hộ (TDP 2,3,4,7,8,14,16)	7		2400	16.800		16.800
4	Hội nông dân				70.500	42.300	28.200
	- Phụ cấp Chi hội trưởng				42.300	42.300	
	+ Tổ dân phố có dân số dưới 500 hộ (TDP số 1,5,6,9,11,12,13,15,20)	9		225	24.300	24.300	
	+Tổ dân phố có dân số trên 500 hộ (TDP 2,3,4,7,14)	5		300	18.000	18.000	
	- Chi Hoạt động Chi hội TDP	14			28.200		28.200
	+ Tổ dân phố có dân số dưới 500 hộ (TDP số 1,5,6,9,11,12,13,15,20)	9		1800	16.200		16.200
	+Tổ dân phố có dân số trên 500 hộ (TDP 2,3,4,7,14)	5		2400	12.000		12.000
5	Hội cựu chiến binh				177.000	106.200	70.800
	- Phụ cấp Chi hội trưởng				106.200	106.200	
	+ Tổ dân phố có dân số dưới 500 hộ (TDP số 1,5,6,9,10,11,12,13,15,17,18,19,20,21,22,23,24, 25,26,27,28,29,30,31,32,33,34,35,36,37)	30		225	81.000	81.000	
	+Tổ dân phố có dân số trên 500 hộ (TDP 2,3,4,7,8,14,16)	7		300	25.200	25.200	
	- Chi Hoạt động Chi hội TDP	37			70.800		70.800
	+ Tổ dân phố có dân số dưới 500 hộ (TDP số 1,5,6,9,10,11,12,13,15,17,18,19,20,21,22,23,24, 25,26,27,28,29,30,31,32,33,34,35,36,37)	30		1800	54.000		54.000
	+Tổ dân phố có dân số trên 500 hộ (TDP 2,3,4,7,8,14,16)	7		2400	16.800		16.800